

Số: /BC-THHVT

Hải Châu, ngày tháng năm 2024

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN** **Năm học 2023-2024**

Thực hiện Công văn 478/PGDDĐT-KHTC ngày 13/08/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Hải Châu về việc thực hiện các khoản thu, chế độ chính sách, giá dịch vụ và thực hiện công khai các nội dung trong năm học 2024-2025, Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ báo cáo như sau:

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2. Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang điện tử.

- Địa điểm trụ sở chính: Số 28 Trần Phú, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Điện thoại: 02363 818123

- Địa chỉ trang điện tử: Website: <https://hoangvanthudn.edu.vn/>

- Fanpage: <https://www.facebook.com/hoangvanthu28?mibextid=LQQJ4d>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ là cơ sở giáo dục công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ hướng đến mục tiêu trường học văn minh, thân thiện, hiện đại với chất lượng giáo dục toàn diện được ưu tiên hàng đầu.

- Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ với sứ mệnh đào tạo thế hệ tương lai của đất nước trở thành những công dân ưu tú, khoẻ về thể chất, mạnh về trí lực, có tinh thần trách nhiệm, giàu lòng nhân ái, bản lĩnh, tự tin, nhanh chóng thích nghi với ngôi trường mới.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ được tách ra từ trường cấp 1,2 vào năm học 1988-1989. Năm học 2008-2009, trường được đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Từ đó đến nay nhà trường liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học. Ba lần được nhận Bằng khen của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng. Năm học 2021-2022, nhà trường vinh dự được Bộ giáo dục Đào tạo tặng bằng khen.

Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ được giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng ra quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1 kể từ ngày 02/04/2018 (theo Thông tư 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Toàn trường hiện có 44 cán bộ giáo viên và nhân viên. Trường đủ cơ cấu bộ máy tổ chức theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học và cũng đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới. Đội ngũ cán bộ quản lý có 2 đồng chí đã học xong các lớp Quản lý giáo dục, trung cấp chính trị; 2/2 đồng chí được đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng ở mức khá.

Năm học 2023-2024, trường có 873 học sinh/25 lớp, với 39 giáo viên trực tiếp giảng dạy đạt tỉ lệ: 1.5 GV/lớp đảm bảo dạy học 2 buổi/ngày (09 buổi/ tuần); có giáo viên bộ môn Âm nhạc, Thể dục, Mỹ thuật, Anh văn, Pháp văn, Tin học dạy chuyên trách. Nhân viên nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao giúp các hoạt động giáo dục trong nhà trường đạt hiệu quả cao.

Diện tích khuôn viên trường: 2572.4 m<sup>2</sup> Trường có 25 phòng học; 100% học sinh học 2 buổi/ngày; có bếp ăn bán trú, có các phòng chức năng như: phòng CNTT, phòng Ngoại ngữ, phòng Mỹ thuật, phòng Âm nhạc, phòng Truyền thông, phòng Y tế học đường...

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thị Thuỳ Duyên

Chức vụ : Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 28 Trần Phú, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP Đà

Năng

Số điện thoại : 0905507606

Email: thuyduyenhvt@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập:

Trường tiểu học Hoàng Văn Thụ được thành lập theo Quyết định số 6699/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận Hải Châu về việc tổ chức lại trường Tiểu học Hoàng văn Thụ thuộc UBND quận Hải Châu;

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: (có văn bản kèm theo)

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

d) Quy chế tổ chức và hoạt động: (Có văn bản kèm theo)

8. Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Có kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 kèm theo.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

| Tên vị trí việc làm                         | Tổng số   | Nữ        | Trình độ đào tạo |           |            | Ghi chú |
|---|-----------|-----------|------------------|-----------|------------|---------|
|   |           |           | Chưa đạt chuẩn   | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |         |
| <b>I. Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành</b> |           |           |                  |           |            |         |
| Hiệu trưởng                                 | <b>01</b> | 01        | 0                |           | 01         |         |
| Phó Hiệu trưởng                             | <b>01</b> | 01        | 0                | 01        |            |         |
| <b>II. Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ</b>       |           |           |                  |           |            |         |
| Giáo viên                                   | <b>39</b> | 37        | 1                | 35        | 3          |         |
| <b>III. Nhóm hỗ trợ, phục vụ</b>            |           |           |                  |           |            |         |
| Nhân viên                                   | <b>03</b> | 03        | 0                | 03        |            |         |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>44</b> | <b>42</b> | <b>01</b>        | <b>39</b> | <b>04</b>  |         |

b. Số lượng, tỷ lệ GV, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

|             | Đạt chuẩn |              | Trên chuẩn |             | Ghi chú           |
|-------------|-----------|--------------|------------|-------------|-------------------|
|             | SL        | %            | SL         | %           |                   |
| CBQL        | 1         | 50%          | 1          | 50%         |                   |
| Văn hoá     | 26        | 96.2%        | 1          | 3.8%        |                   |
| Thê dục     | 1         | 50%          | 1          | 50%         |                   |
| Âm nhạc     | 0         | 0%           | 0          | 0%          | Trình độ Cao đẳng |
| Mỹ thuật    | 2         | 100%         | 0          | 0%          |                   |
| Anh văn     | 2         | 66.6%        | 1          | 33.4%       |                   |
| Pháp văn    | 3         | 100%         | 0          | 0%          |                   |
| Tin học     | 1         | 100%         | 0          | 0%          |                   |
| TPT Đội     | 1         | 100%         | 0          | 0%          |                   |
| <b>Cộng</b> | <b>37</b> | <b>90.2%</b> | <b>4</b>   | <b>9.8%</b> |                   |

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

100% giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo qui định.

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

a. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ có diện tích 2646 m<sup>2</sup>, trường được đóng tại địa chỉ 28 Trần Phú, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Trường có đủ hạ tầng CNTT phục vụ cho dạy học và quản lý. Khối hiệu bộ đảm bảo cho các phòng làm việc. Khu vệ sinh của giáo viên và học sinh đảm bảo theo quy định, sạch sẽ, thoáng đáp ứng sinh hoạt của toàn trường. Sân trường rộng, thoáng, sạch sẽ, nhiều cây xanh.

| STT              | Diện tích đất                     | Số lượng m <sup>2</sup>   | Tỷ lệ       |
|------------------|-----------------------------------|---------------------------|-------------|
| 1                | Đất công trình                    | 1390 m <sup>2</sup>       | 52.53%      |
| 2                | Đất giao thông cây xanh, sân chơi | 1184 m <sup>2</sup>       | 44,74%      |
| 3                | Đất vịnh để xe                    | 72 m <sup>2</sup>         | 2.73%       |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                   | <b>2464 m<sup>2</sup></b> | <b>100%</b> |

b. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục, thể thao, khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

| STT      | Các hạng mục công trình   | Số lượng (phòng) | Diện tích (m <sup>2</sup> /P) |
|----------|---------------------------|------------------|-------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Khối phòng học tập</b> |                  |                               |

|            |                                       |    |       |
|------------|---------------------------------------|----|-------|
| 1          | Phòng học                             | 25 | 54.6  |
| 1          | Phòng học bộ môn Nghệ thuật           | 1  | 54.6  |
| 2          | Phòng học bộ môn Khoa học- Công nghệ  | 1  | 81.9  |
| 3          | Phòng học bộ môn Tin học              | 1  | 54    |
| 4          | Phòng học bộ môn Ngoại ngữ            | 1  | 54    |
| 5          | Phòng học bộ môn đa chức năng         | 1  | 72.5  |
| <b>II</b>  | <b>Khối phòng hỗ trợ học tập</b>      |    |       |
| 1          | Thư viện, kho sách                    | 1  | 54.51 |
| 2          | Phòng đọc                             | 1  | 80.73 |
| 3          | Phòng Đội                             | 1  | 28    |
| 4          | Phòng truyền thống                    | 1  | 53.5  |
| <b>III</b> | <b>Khối phụ trợ</b>                   |    |       |
| 1          | Phòng Hiệu trưởng                     | 1  | 27.3  |
| 2          | Phòng Phó Hiệu trưởng                 | 1  | 27.3  |
| 3          | Phòng y tế trường học                 | 1  | 27.3  |
| 4          | Văn phòng                             | 1  | 27.3  |
| 5          | Phòng nghỉ giáo viên                  | 2  | 27.3  |
| 6          | Khu để xe CBGVNV                      | 1  | 72    |
| <b>IV</b>  | <b>Khu sân chơi, thể dục thể thao</b> |    |       |
| 1          | Khu giao thông cây xanh, sân chơi     | 1  | 1184  |
| <b>V</b>   | <b>Khối phục vụ sinh hoạt</b>         |    |       |
| 1          | Nhà bếp                               | 1  | 240   |
| 2          | Khu vệ sinh giáo viên, học sinh       | 8  | 143.2 |

c. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

| STT      | Nội dung   | Số lượng  | Bình quân Số bộ/lớp |
|----------|--|-----------|---------------------|
| <b>I</b> | <b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b>                    |           |                     |
| 1        | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định     |           |                     |
| 1.1      | Khối lớp 1   | 182 bộ    | 36 bộ/lớp           |
| 1.2      | Khối lớp 2   | -         | -                   |
| 1.3      | Khối lớp 3   | -         | -                   |
| 1.4      | Khối lớp 4   | -         | -                   |
| 1.5      | Khối lớp 5   | 97 bộ cũ  | -                   |
| 2        | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định |           |                     |
| 2.1      | Khối lớp 1   | -         | -                   |
| 2.2      | Khối lớp 2   | 148 bộ/hs | 37 bộ/lớp           |
| 2.3      | Khối lớp 3   | 166 bộ/hs | 33 bộ/lớp           |

|            |   |           |           |
|------------|---|-----------|-----------|
| 2.4        | Khôi lớp 4  | 187 bộ/hs | 38 bộ/lớp |
| 2.5        | Khôi lớp 5  | 192 bộ/hs | 39 bộ/lớp |
| <b>II</b>  | <b>Tổng số máy tính đang được sử dụng phục vụ học tập</b> |           |           |
| <b>III</b> | <b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>                   |           |           |
| 1          | Ti vi   | 26        | 1         |
| 2          | Cát sét   | 2         |           |
| 3          | Đầu Video/đầu đĩa   | 7         |           |
| 4          | Máy chiếu OverHead/protector/vật thể                      | 7         |           |
| 5          | Thiết bị khác   | 226       |           |

d. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

| STT | Sách Giáo khoa | Số lượng  | Sách Tham khảo | Số lượng  | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|----------------|-----------|---------|
| 1   | Lớp 1          | 100 quyển | Lớp 1          | 110 quyển |         |
| 2   | Lớp 2          | 110 quyển | Lớp 2          | 145 quyển |         |
| 3   | Lớp 3          | 140 quyển | Lớp 3          | 130 quyển |         |
| 4   | Lớp 4          | 150 quyển | Lớp 4          | 110 quyển |         |
| 5   | Lớp 5          | 160 quyển | Lớp 5          | 120 quyển |         |

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục

- Đánh giá tiêu chí mức 1,2,3:

Số tiêu chí đạt:

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt Mức 1: 27/27 - Tỉ lệ: 100%

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt Mức 2: 22/27 - Tỉ lệ: 81.4%

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt Mức 3: 7/27 - Tỉ lệ: 25.9%

Số tiêu chí không đạt:

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt Mức 2: 5/27 - Tỉ lệ: 18.5%.

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt Mức 3: 20/27 - Tỉ lệ: 74%

- Đánh giá tiêu chí mức 4:

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt Mức 4: 0/5 - Tỉ lệ: 0%

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt Mức 4: 5/5 - Tỉ lệ: 100%

- Cấp độ đạt được: Cấp độ 1

a. Điểm mạnh

- Nhà trường thực hiện tốt công tác triển khai các hoạt động tự đánh giá và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng cũng như thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền phối hợp đến toàn thể CBGV-NV, học sinh.

- Các thành viên trong nhà trường đã chủ động, tích cực tham gia triển khai công tác TĐG và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng, nâng cao chất lượng giáo dục.

b. Điểm yếu: Thời điểm 02/4/2023 nhà trường hết thời gian được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục nhưng chưa đăng ký đánh giá ngoài theo thông tư 17. Lý do: Tại thời điểm đó, nhà trường đang xây dựng phải mượn cơ sở dạy tạm.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Theo quyết định số 403/QĐ-SGD ngày 02/04/2018, trường TH Hoàng Văn Thụ đã được Sở GDĐT thành phố công nhận đạt chuẩn KĐCLGD cấp độ I.

- Ngày 05 tháng 8 năm 2024, nhà trường đã làm tờ trình số 111/TTr-THHVT trình Phòng GD&ĐT về việc Về việc đăng ký đánh giá ngoài năm học 2023-2024.

## **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

1. Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp

- Không

2. Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục.

- Không

3. Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục

- Không

*(Đính kèm Thông tin chất lượng giáo dục năm học 2023-2024)*

## **VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

- Thanh toán lương và các khoản phụ cấp theo lương, chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của nhà nước đầy đủ và kịp thời cho CBGVNV.

- Báo cáo tài chính, quyết toán tài chính năm theo đúng quy định của ngành, phòng đúng thời gian và số liệu trùng khớp với đối chiếu kho bạc.

- Công khai tài chính theo đúng thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính

*(Đính kèm báo cáo)*

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

- Toàn trường thực hiện nghiêm túc chương trình, nội dung, kế hoạch dạy học, có kế hoạch thực hiện dạy đủ môn học theo quy định trong, kịp thời điều chỉnh chương trình để dạy trực tiếp đúng tiến độ, đảm bảo dạy và củng cố kiến thức cho tất cả học sinh.

- Nhà trường đã có nhiều biện pháp, giải pháp và không ngừng cải tiến phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Chủ động xây dựng kế hoạch dạy học và hoạt động phù hợp, học sinh nhà trường ở tất cả các khối lớp đều đạt các yêu cầu về năng lực, phẩm chất. Chất lượng học sinh qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì đều đạt kết quả cao. Cuối năm học, số lượng học

sinh học sinh hoàn thành các nội dung học tập và rèn luyện đạt 99,6%, 100% học sinh đều thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của học sinh tiểu học, không có học sinh bỏ học; công tác phụ đạo học sinh được duy trì thường xuyên.

- Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch giáo dục nhà trường, hoàn thành tốt chỉ tiêu của nghị quyết do hội nghị Viên chức – Người lao động đề ra. Kết quả của năm học sau luôn cao hơn năm học trước, đảm bảo cho sự vững chắc cho công tác phát triển giáo dục trong những năm tiếp theo và đảm bảo gắn các hoạt động nhà trường với các mục tiêu kinh tế xã hội địa phương.

- Nhà trường thường xuyên tổ chức các hình thức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ với nhiều hình thức đa dạng. Cử giáo viên cốt cán tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, chuyên đề, bồi dưỡng chuyên môn do Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT tổ chức.

- Thực hiện tốt kế hoạch dạy học và giáo dục đối với lớp 2 buổi /ngày theo hướng dẫn của Ngành. Tăng cường các hoạt động thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, thực hành vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động thực tế tại địa phương nhằm hỗ trợ cho việc học tập; bồi dưỡng học sinh năng khiếu; dạy học các môn học tự chọn. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ, hoạt động ngoại khoá... được tổ chức linh hoạt theo điều kiện nhà trường.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn đã thực hiện có hiệu quả việc nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ; thường xuyên bàn bạc, thống nhất phương pháp dạy các bài khó có kiến thức trọng tâm cần khai thác sâu; hỗ trợ lẫn nhau về chuyên môn, tư liệu và phương pháp giảng dạy trong các buổi sinh hoạt chuyên môn.

- Chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học. Thông qua các chuyên đề được triển khai, tập huấn, giáo viên đã nắm vững và thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học.

- Giáo viên thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào việc đổi mới phương pháp dạy học. Đầu tư nghiên cứu làm thêm đồ dùng và thực hiện cải tiến một số đồ dùng dạy học chưa phù hợp nhằm tạo hứng thú cho học sinh, tăng hiệu quả giảng dạy.

- 100% CBQL và GV tham gia tập huấn và hoàn thành các modul CTGDPT 2018 theo kế hoạch của các cấp. Chuẩn bị đội ngũ tiếp cận với chương trình SGK lớp 5 mới.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2023-2024 về việc thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ./.

**Nơi nhận:**

- Ban chỉ đạo (để t/hiện);
- Lưu: VT, KT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Thùy Duyên**

